TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 95/2021/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 04 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1995

Ông Phan Thành S, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Tổ 15A, khu phố O, phường TP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đều được hai bên gia đình đồng ý. Do ông S đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đăk Lăk nên đến ngày 20/6/2016 ông S, bà N mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã CM, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Ông, bà thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông bà đã ly thân từ tháng 03/2021 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S có hai con chung là cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 14/3/2013 và cháu Phan Hoàng Khả N1, sinh ngày

05/3/2018. Hiện nay các cháu A, N1 đang sống với bà N. Ông bà thỏa thuận giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hiện nay cháu A và cháu N1 đang sống với bà N. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của các cháu cần chấp nhận giao hai cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 14/3/2013 và cháu Phan Hoàng Khả N1, sinh ngày 05/3/2018 cho bà Hoàng Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Phan Thành S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Phan Thành S được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Hoàng Thị N và ông Phan Thành S phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0006524 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã CM, huyện E, tỉnh Đăk Lăk;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung